

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN ĐỢT THI NGÀY 13/3/2021**Phần thi: Trắc nghiệm****Ngày thi: 13.3.2021****Ca thi 1: (8h30' - 9h30') - Phòng máy 1**

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký tên
1	TH.01	Phan Thị Ngọc Anh	28.03.1999	Thái Nguyên			
2	TH.02	Vũ Hải Anh	15.04.1995	Bắc Giang			
3	TH.03	Dương Thị Kim Chi	30.09.1999	Bắc Kạn			
4	TH.04	Nguyễn Huy Đại	12.12.1989	Hưng Yên			
5	TH.05	Vũ Quốc Đạt	12.10.1995	Thanh Hóa			
6	TH.06	Nguyễn Hương Dung	09.01.1997	Thái Nguyên			
7	TH.07	Hoàng Hải Dương	16/4/1998	Thái Nguyên			
8	TH.08	Lê Ngọc Duyên	15.07.1997	Thái Nguyên			
9	TH.09	Lầu A Hành	30.06.1998	Cao Bằng			
10	TH.10	Lê Minh Hiếu	25.05.1999	Tuyên Quang			
11	TH.11	Hà Văn Hiếu	28.08.1998	Sơn La			
12	TH.12	Bàn Phúc Huy	01.04.1994	Bắc Kạn			
13	TH.13	Lèo Thị Thanh Huyền	26.06.1997	Yên Bái			
14	TH.14	Mai Văn Khải	08.06.1999	Hà Giang			
15	TH.15	Mai Thị Hoa Len	09.08.1997	Hà Giang			
16	TH.16	Hoàng Thị Linh	01.09.1999	Thái Nguyên			
17	TH.17	Đặng Văn Lường	26.06.1999	Cao Bằng			

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt.....Tổng số bài thi.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Số thí sinh vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi số 1

(ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi số 2

(ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN ĐỢT THI NGÀY 13/3/2021**Phần thi: Trắc nghiệm****Ngày thi: 13.3.2021****Ca thi 1: (8h30' - 9h30') - Phòng máy 2**

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký tên
1	TH.18	Tạ Thị Hương Ly	12/12/1999	Thái Nguyên			
2	TH.19	Khà Văn Nam	24.03.1998	Lai Châu			
3	TH.20	Vừ A Nhì	12.08.1999	Sơn La			
4	TH.21	Hoàng Văn Thành	04.09.1999	Cao Bằng			
5	TH.22	Kiều Phương Thảo	24.05.1999	TP. Hà Nội			
6	TH.23	Hoàng Thị Thảo	13.11.1999	Lạng Sơn			
7	TH.24	Ngô Thị Thoan	30.04.1999	Bắc Giang			
8	TH.25	Đào Minh Thư	26.06.1999	Thái Nguyên			
9	TH.26	Đỗ Thị Thực	28.07.1985	Hưng Yên			
10	TH.27	Trần Thị Tòì	27.07.1999	Hải Phòng			
11	TH.28	Ma Toàn Trung	17.09.1997	Hà Giang			
12	TH.29	Triệu Minh Tuấn	10.05.1999	Lai Châu			
13	TH.30	Nguyễn Quốc Tuấn	13.09.1979	Quảng Ninh			
14	TH.31	Nông Hồng Vân	28.11.1998	Cao Bằng			
15	TH.32	Cao Minh Vượng	14.09.1978	Hưng Yên			
16	TH.33	Trần Thị Xuân	07.02.1999	Quảng Ninh			
17	TH.34	Đặng Thị Hải Yến	27.07.1986	Hưng Yên			

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt.....Tổng số bài thi.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Số thí sinh vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi số 1

(ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi số 2

(ký, ghi rõ họ tên)